

Bản án số: **406/2021/HS-PT**

Ngày: 30 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Mai Xuân Thành

- T ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, T ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 376/2021/TLPT-HS ngày 28/6/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2043/2021/QĐXXST-HS ngày 13/9/2021, đối với bị cáo Trần Cao P; (Tên gọi khác: Lê Ngọc Nam) về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Trần Cao P (tên gọi khác: Lê Ngọc Nam), sinh ngày 01 tháng 12 năm 1973 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T, sinh năm 1945 và bà Trình Thị D, sinh năm 1947; có vợ là: Nguyễn Ái T, sinh năm 1985, bị cáo chưa có con; bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 07 anh, em; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/01/2020 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Minh T – Luật sư Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum; địa chỉ: tỉnh Kon Tum;

có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm ăn, Trần Cao P có nhu cầu dùng xe ô tô để phục vụ đi lại; do đó, P đã thuê xe của người khác để sử dụng. Khi đầu tư làm ăn bị thua lỗ, P vay tiền và nợ nhiều người. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Trần Cao P thuê xe ô tô tự lái của nhiều người trên địa bàn tỉnh Kon Tum để nhận được xe và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô từ chủ xe. Sau đó, P vào mạng Internet thuê làm giả các Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên mình, từ đó sử dụng tài liệu giả đó để đưa ra thông tin gian dối đối với một số cá nhân do P quen biết trước đó để cầm cố tài sản hoặc bán lấy tiền sử dụng cho cá nhân. Với phương thức, thủ đoạn như trên, Trần Cao P đã chiếm đoạt tiền, tài sản của nhiều người với giá trị tài sản rất lớn trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến giữa năm 2019, cụ thể như sau:

1. Về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50, BKS 82C- 030.98 của anh Đặng Văn C.

Ngày 06/11/2018, Trần Cao P, đến nhà anh Đặng Văn C để thuê xe ô tô (tự lái) anh C đồng ý và giao xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50 BKS 82C- 030.98 và một số giấy tờ xe có liên quan cho P, thời gian thuê từ ngày 06/11/2018 đến ngày 06/06/2019 có lập hợp đồng thuê xe giữa anh C và P, giá thuê xe 20.000.000/1 tháng, hình thức thanh toán trả tiền trước 10 ngày, P đã trả tiền thuê xe đều đặn cho anh C. Sau khi, thuê được xe ô tô trên P sử dụng để đi lại làm ăn một thời gian, vì không còn tiền nên P đã vào mạng Internet để thuê làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002663 đứng tên Trần Cao P với giá 4.000.000 đồng. Đến khoảng đầu tháng 3/2019, P đem xe ô tô trên cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả do P làm trước đó đi cầm cố cho chị Hoàng Thị Lâm G (trú tại tỉnh Bình Định) với số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 12/05/2019, P đã thanh toán tiền cầm cố cho chị G và lấy xe trên về. Ngày 16/05/2019, P đã đưa ra thông tin là cần tiền để làm ăn nên P đã bán xe ô tô trên cho anh Trịnh S (trú tại TP. Đà Nẵng) với số tiền 300.000.000đ, P đưa cho anh S 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Trần Cao P, 01 giấy kiểm định, 01 giấy bảo hiểm, qua thời gian 15 ngày anh C liên lạc với P không được anh C đến nhà P cũng không thấy nên nghi ngờ, thông qua định vị trên xe anh C biết được xe của mình thường xuyên ở thành phố Đà Nẵng. Ngày 21/06/2019, anh C phát hiện xe ô tô của mình đang ở thành phố Kon Tum nên ra lấy xe thì thấy không phải là P mà là anh Trịnh S, qua trao đổi thì biết được P đã bán xe ô tô trên cho anh S lấy 300.000.000 đồng nên anh C mời anh S đến Công an phường Q để giải quyết.

Tại bản kết luận định giá số 56/ĐG-TS ngày 03/07/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Kon Tum, kết luận giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 488.064.000 đồng.

Kết luận giám định số 42/KLGD-PC09 ngày 04/03/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum; kết luận: Giấy “*Chứng nhận đăng ký xe ô tô*” số 002663 tên chủ xe Trần Cao P, BKS 82C - 030.98 đề ngày 04/08/2016 là giả(*làm giả hoàn toàn bằng hình thức in phun màu điện tử và giả mạo chữ ký*).

Hành vi của Trần Cao P đã thuê xe ô tô(tự lái) của anh Đặng Văn C, sau đó thuê làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang đi bán cho người khác chiếm đoạt tiền của họ. Hành vi đó của P đã phạm các tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự (đối với số tiền 488.064.000 đồng là giá trị định giá xe ô tô BKS 82C - 030.98) và tội “*Làm giả tài liệu, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”(Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe ô tô BKS 82C - 030.98) theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

2. Về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Lần thứ nhất: Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Fotuner, BKS 82A - 003.49 của chị Trần Thị Kim L.

Vào ngày 22/01/2019, khi bị cáo P đang thuê xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50 BKS 82C - 030.98 của anh C để làm phương tiện đi lại làm ăn. Trần Cao P tiếp tục đến nhà chị Trần Thị Kim L (*trú tại tỉnh Kon Tum*) làm hợp đồng để thuê xe ô tô(tự lái), chị L đồng ý và giao xe ô tô nhãn hiệu Fotuner, BKS 82A - 003.49 và một số giấy tờ xe có liên quan cho P, giữa chị L và P có thỏa thuận giá thuê xe là 800.000 đồng/01ngày, thời gian thuê từ ngày 22/01/2019 đến ngày 05/02/2019 P đã trả trước cho chị L 4.000.000 đồng. Đến ngày 05/02/2019 thì hết hạn, tuy nhiên P đã điện thoại thỏa thuận miệng xin gia hạn thuê xe thêm một thời gian và được chị L đồng ý. Thời gian đầu P sử dụng xe trên với mục đích làm phương tiện đi lại, nhưng sau đó không có tiền nên nghĩ cách làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để cầm cố lấy tiền, sau đó P liên hệ để làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Trần Cao P với giá 4.000.000đ. Đến khoảng đầu tháng 03/2019 P đến nhà bà Nguyễn Thị B (*trú tại tỉnh Kon Tum*) hỏi vay tiền nhưng bà B không cho mượn. Sau đó P mang Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Trần Cao P, biển số 82A – 003.49 qua nhà bà B để bà B cho vay số tiền 50.000.000đ để đủ tiền mua xe. Bà B thấy Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Trần Cao P nên tin tưởng và đồng ý. Bà B đã đưa tiền cho P và P viết giấy vay tiền đồng thời thế chấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Trần Cao P và 01 xe ô tô biển kiểm soát 82A – 003.49. Sau đó vài ngày P tiếp tục đến vay của bà B số tiền 100.000.000đ nói là để chữa bệnh cho vợ, để tạo lòng tin P đưa hình ảnh chụp vợ đang đi chữa bệnh, bà B tin tưởng nên đồng ý đưa P vay số tiền 100.000.000đ và P viết giấy vay tiền cho bà B. Đến ngày 03/05/2019 P tiếp tục đến vay của bà B số tiền 150.000.000đ nói là để chữa bệnh cho vợ, hiện vợ đang bị bại liệt nằm viện, đồng thời gọi video để bà B thấy hình ảnh vợ P đang nằm viện, bà B tin tưởng nên đồng ý đưa P vay số tiền 150.000.000đ. Hai bên thống nhất hủy bỏ các giấy tờ vay mượn trước đó, và viết lại một giấy vay tiền mới với tổng số tiền 300.000.000

đồng và hẹn sau hai tháng P sẽ trả đủ, đến hẹn nếu P không trả bà B được quyền bán xe ô tô trên. Đến cuối tháng 05/2019 chị L không thấy P thanh toán tiền thuê xe, liên lạc cũng không được với P, nhưng qua định vị thì thấy xe đang ở địa bàn huyện N và di chuyển thường xuyên. Ngày 06/06/2019, khi chị B cùng chồng đang điều khiển xe ô tô đó, đi trên địa bàn huyện N, tỉnh Kon Tum thì chị Trần Thị Kim L sử dụng định vị trong xe phát hiện và đến yêu cầu giao xe, bà B cho biết Trần Cao P đã cầm cố xe trên và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Trần Cao P cho bà B với số tiền 300.000.000đ. Bà L thông báo cho bà B biết mình là chủ hợp pháp của xe trên, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Trần Cao P là giả và lấy xe về. Ngày 11/06/2019 bà Nguyễn Thị B có đơn trình báo gửi Cơ quan Công an huyện N, tỉnh Kon Tum.

Tại bản kết luận định giá số 14/KL-ĐG ngày 26/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Kon Tum, kết luận Tổng giá trị tài sản thiệt hại do lừa đảo chiếm đoạt là 427. 005.244 đồng.

Kết luận giám định số 72/GĐTP-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum ngày 05/07/2019 kết luận: Giấy “*Chứng nhận đăng ký xe ô tô*” cần giám định số 005363 mang nội dung tên Trần Cao P, xe Toyota có biển kiểm soát 82A – 003.49 cấp ngày 13/07/2018 là giả (*Giả hoàn toàn bằng hình thức in phun màu điện tử và giả mạo chữ ký*).

Hành vi trên của P đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự (đối với số tiền 427. 005.244 đồng là giá trị định giá xe ô tô BKS 82A – 003.49) và phạm tội “*Làm giả tài liệu, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe ô tô BKS 82A – 003.49) theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

Lần thứ hai: Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST BKS 82A - 029.10 của anh Đặng Văn C.

Do có bị cáo có ý định thuê xe ô tô để đi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và mang đi cầm cố lấy tiền. Ngày 15/02/2019, P tiếp tục đến nhà anh Đặng Văn C, đưa ra thông tin chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50, BKS 82C - 030.98 mà P thuê trước đó của anh C đã được đưa em thuê lại (nhưng thực tế P đã cầm cố xe ô tô trên cho chị G ở tỉnh Bình Định) nên muốn thuê thêm 01 chiếc xe ô tô nữa thì anh C đồng ý và giao xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST, BKS 82A - 029.10 và một số giấy tờ xe có liên quan cho P, giữa anh C và P thỏa thuận giá thuê xe 20.000.000 đồng/01tháng và thời gian thuê từ ngày 15/02/2019 đến ngày 15/06/2019 có lập hợp đồng thuê xe. Sau khi thuê được xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST 82A- 029.10, P tiếp tục vào mạng Internet, liên hệ Zalo tên Minh Phương thuê làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002663 đứng tên Trần Cao P với giá 4.000.000 đồng. Đến đầu tháng 03/2019 P đem xe ô tô trên đi cầm cố cho bà Nguyễn Thị B (*trú tại: huyện N, tỉnh Kon Tum*) với số tiền 70. 000.000 đồng. Ngày 14/03/2019 P đến thanh toán tiền cầm cố cho bà B, và lấy xe ô tô trên về bán lại cho chị Hoàng Thị Mai L (*trú tại tỉnh Bình Định*) với số tiền 280.000.000 đồng.

Đến hạn trả xe nhưng không thấy Trần Cao P mang xe ô tô trên đến trả và thấy việc trả tiền thuê xe không đúng hẹn nên anh C đã nhiều lần gọi điện thoại và đi đến nhà nhưng không tìm thấy P. Thông qua định vị trên xe, ngày 01/07/2019 anh C phát hiện xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST, BKS 82A- 029.10 của mình đang ở tại nhà chị Hoàng Thị Mai L *tỉnh Bình Định*, qua tìm hiểu thì anh C được biết P đã làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên và đã bán cho chị L nên trình báo Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá số 58/ĐG-TS ngày 12/07/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Kon Tum, kết luận giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 519. 284.000 đồng.

Kết luận giám định số 42/KLGD-PC09 ngày 04/03/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum; kết luận: - Giấy “*Chứng nhận đăng ký xe ô tô*” số 002663, tên chủ xe Trần Cao P, biển số 82A – 029.10 đề ngày 04/05/2016 là giả (*Giả hoàn toàn bằng hình thức in phun màu điện tử và giả mạo chữ ký*).

Hành vi trên của P đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự (với số tiền 519. 284.000 đồng là giá trị định giá đối với xe ô tô BKS 82A – 029.10, sau đó bán cho chị Hoàng Thị Mai L lấy số tiền 280.000.000 đồng) và phạm tội “*Làm giả tài liệu, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe ô tô BKS 82A – 029.10) theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

Lần thứ ba: Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Fotuner, BKS 82A - 053.42 của anh Trần Quang N.

Ngày 08/05/2019, do có ý định thuê xe ô tô (tự lái) để đi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để mang đi cầm cố lấy tiền. Trần Cao P đến nhà anh Nguyễn D H *trú tại số, thành phố K, tỉnh Kon Tum* làm hợp đồng để thuê xe ô tô, anh H đồng ý, giao xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Fotuner BKS 82A - 053.42, xe này đứng tên Trần Quang N, *trú tại số thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum* (anh N thông qua anh H để kinh doanh, việc giao xe đó được thực hiện qua trao đổi bằng miệng), và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe (phô tô) công chứng, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe, 01 giấy bảo hiểm xe cho P, giữa ông H và P có thỏa thuận giá thuê xe 800.000 đồng/01 ngày và thời gian thuê từ ngày 08/05/2019 đến ngày 18/05/2019. Sau khi, thuê được xe ô tô trên P đã vào mạng Internet, thuê làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010484 đứng tên Trần Cao P với giá 4.000.000 đồng. Đến ngày 12/05/2019 P mang xe ô tô trên và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, đi đến nhà anh Nguyễn Văn D (*trú tại huyện H, tỉnh Bình Định*) cầm cố, thế chấp và lấy số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 18/05/2019, khi hết thời hạn thuê xe không thấy P trả xe, qua định vị trên xe anh H thấy xe đang ở huyện H, tỉnh Bình Định không di chuyển nhiều ngày nên nghi ngờ. Ngày 22/05/2019, anh H và anh N đi xuống huyện H, tỉnh Bình Định thì được biết P đã cầm cố xe trên cho anh D với số tiền 450.000.000 đ, ngày 24/05/2019 ông N làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá số 46/ĐG-TS ngày 07/06/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Kon Tum, kết luận giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 424. 117.000 đồng.

Kết luận giám định số 82/GĐTP-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum ngày 26/07/2019 kết luận:

- Giấy “*Chứng nhận đăng ký xe ô tô*” số 010484 mang nội dung tên Trần Cao P, xe Toyota có biển kiểm soát 82A – 053.42 cấp ngày 18/04/2019 (*Ký hiệu A01*) là giả (*Giả hoàn toàn bằng hình thức in phun màu điện tử và giả mạo chữ ký*).

- Giấy “*Chứng nhận đăng ký xe ô tô*” số 010484 mang nội dung tên Trần Quang N, xe Toyota có biển kiểm soát 82A – 053.42 cấp ngày 18/04/2019 (*Ký hiệu A02*) là thật.

Hành vi trên của P đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự (đối với số tiền 424. 117.000 đồng là giá trị định giá xe ô tô BKS 82A – 053.42) và phạm tội “*Làm giả tài liệu, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe ô tô BKS 82A – 053.42) theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự..

Như vậy, bị cáo Trần Cao P đã thực hiện **03** lần hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền **1.370.406.244** đồng trong đó: của bà Trần Thị Kim L qua định giá xe ô tô BKS 82A – 003.49 là 427. 005.244 đồng; ông Đặng Văn C qua định giá xe ô tô BKS 82A – 029.10 là 519. 284.000 đồng; và xe của ông Trần Quang N qua định giá xe ô tô BKS 82A – 053.42 là 424. 117.000 đồng; 01 lần Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50 BKS 82C- 030.98 của anh Đặng Văn C qua định giá xe ô tô là **488.064.000** đồng và 04 lần Làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. (Các bút lục số: 104-122; 277-284; 297-316; 333-347 và 375-391).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Cao P phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Trần Cao P 15 (Mười lăm năm) tù đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Cao P 07 (Bảy) năm tù đối với tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Cao P 04 (Bốn) năm tù đối với tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

Tổng hợp hình phạt chung đối với 03 tội danh, buộc bị cáo Trần Cao P phải chấp hành là 26 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (02/01/2020).

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VC2 với nội dung: Hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VC2, ngày 04/6/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Bởi lẽ: Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Cao P về các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là chưa đầy đủ, thiếu căn cứ pháp luật và còn bỏ lọt hành vi phạm tội; cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Trần Cao P thuê xe BKS 82C- 030.98 của anh Đặng Văn C chiếc xe có giá trị 488.064.000đ, sau đó thuê người làm giả giấy đăng ký ô tô đem bán chiếc ô tô bán cho anh Trịnh S chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ;?! Như vậy, ngoài hành vi phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, P còn có hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; cấp sơ thẩm không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự P về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ của anh S là bỏ lọt tội phạm.

Lần thứ 2: Trần Cao P tiếp tục đến nhà chị Trần Thị Kim L thuê chiếc xe BKS 82A- 003.49 chiếc xe có giá trị 427.005.244đ, sau đó thuê người làm giả giấy đăng ký ô tô đem cầm cùng chiếc xe ô tô chiếm đoạt chị Nguyễn Thị B số tiền 300.000.000đ. Bị cáo P đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của chị L giá trị tài sản 427.005.244đ và lừa đảo chiếm đoạt chị B số tiền 300.000.000đ, nhưng cấp sơ thẩm lại xét xử bị cáo P về hành vi lừa đảo chiếm đoạt chị L là thiếu chính xác, không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt số tiền của chị B là bỏ lọt tội phạm.

Lần thứ 3 và thứ 4: Do có ý thức chiếm đoạt tài sản từ trước, bị cáo P đã gian dối trong việc thuê xe ô tô và thuê người làm giả giấy tờ đăng ký ô tô mang tên Trần Cao P, sau đó mang xe ô tô cùng giấy giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đặng Văn C có giá trị 519.284.000đ và Nguyễn D H tài sản có giá trị 424.117.000đ là có căn cứ, tuy nhiên bị cáo P đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị Mai L số tiền 280.000.000đ và của anh Nguyễn Văn D số tiền 450.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự P về hành vi phạm tội lừa đảo chiếm

đoạt tiền chị L và anh D là bỏ lọt tội phạm. Do vậy, đề nghị HĐXX tuyên hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra lại theo hướng như trên.

Luật sư Hoàng Minh T bào chữa cho bị cáo P cho rằng bị cáo P có hành vi gian dối làm các thủ tục giả mạo để chiếm đoạt tài sản của 03 người bị hại với số tiền trên 1 tỷ 3, nhưng tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 tội là 26 năm tù là quá nặng; nay viện kiểm sát kháng nghị mục đích để tăng nặng thêm cho bị cáo là không phù hợp; đề nghị HĐXX không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Cao P thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có liên quan tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo P có nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 06/11/2018, Trần Cao P thuê anh Đặng Văn C chiếc xe ô tô BKS 82C- 030.98, anh C giao xe và giấy tờ xe cho P. Sau đó P thuê làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên P, rồi đem xe và giấy tờ giả cầm cố chị Hoàng Thị Lâm G, đến ngày 12/5/2019 P trả đủ tiền cho chị G rồi lấy xe ô tô và giấy tờ về. Ngày 16/5/2019 P đem chiếc xe và giấy giả đăng ký xe bán cho anh Trịnh S lấy 300.000.000đ; kết luận định giá chiếc xe ô tô BKS 82C- 030.98 có giá trị 488.064.000đ

Lần thứ hai: Ngày 22/01/2019 P đến nhà chị Trần Thị Kim L thuê chiếc xe ô tô BKS 82A-003.49, chị L giao xe và giấy tờ xe cho P. Sau đó P thuê làm giấy giả Giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên P. Đầu tháng 03/2019 P đem xe cùng giấy giả đến cầm cố cho chị Nguyễn Thị B lấy 300.000.000đ; kết luận định giá chiếc xe ô tô BKS 82A-003.49 có giá trị 427.005.244đ.

Lần thứ ba: Trần Cao P có ý định gian dối từ trước nên thuê xe ô tô để làm giả Giấy chứng nhận đăng ký và mang đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 15/02/2019 P đến nhà anh Đặng Văn C, bằng thủ đoạn gian dối như trên, P chiếm đoạt chiếc xe ô tô BKS 82A-029.10 của anh C rồi thuê người làm giả Giấy chứng nhận xe mang tên P; sau đó đem xe và giấy tờ giả cầm cố cho chị Nguyễn Thị B, đến ngày 14/3/2019 P trả đủ tiền chị B và lấy xe về bán cho chị Hoàng Thị Mai L lấy 280.000.000đ; kết luận định giá chiếc xe ô tô BKS 82A-029.10 có giá trị 519.284.000đ.

Lần thứ tư: Do có ý định gian dối thuê xe để làm giấy giả đăng ký rồi mang đi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Vào ngày 08/5/2019 Trần Cao P đến nhà anh Nguyễn D H ; bằng thủ đoạn như trước, P chiếm đoạt chiếc xe ô tô BKS 82A-053.42 của anh H rồi thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên P. Ngày 12/5/2019 P đem chiếc ô tô cùng giấy giả Giấy chứng nhận ô tô đến nhà anh Nguyễn Văn D lừa đảo chiếm đoạt số tiền 450.000.000đ; kết luận định giá

chiếc xe ô tô BKS 82A- 053.42 có giá trị 424.117.000đ.

[2] Với hành vi và hậu quả như trên, tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Trần Cao P phạm các tội: Tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” với hành vi một lần thuê xe của anh C bán cho anh S, số tiền chiếm đoạt trị giá chiếc xe 82C-030.98 là 488.064.000đ. Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 07 năm tù. Tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với hành vi ba lần: Thuê xe của chị L cầm cố cho chị B, số tiền chiếm đoạt trị giá chiếc xe 82A-003.49 là 427.005.244đ; thuê xe của anh C bán cho chị L, số tiền chiếm đoạt trị giá chiếc xe 82A-029.10 là 519.284.000đ; thuê xe của anh N cầm cố cho anh D, số tiền chiếm đoạt trị giá chiếc xe 82A-053.42 là 427.117.000đ. Tổng cộng cả 03 chiếc xe bị cáo chiếm đoạt là 1.370.000.000đ. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 15 năm tù. Tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” với hành vi bốn lần làm giả Giấy chứng nhận đăng ký ô tô xe của người khác cho tên Trần Cao P. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 04 năm tù. Tổng hợp 03 tội là 26 năm tù.

[3] Xét Quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VC2, ngày 04/6/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy án sơ thẩm; HĐXX thấy rằng: Trong bốn lần thuê xe của các chủ sở hữu có 02 lần ban đầu bị cáo P có ý thức nhằm mục đích để sử dụng và thực tế bị cáo đã dùng để đi lại trong thời hạn hợp đồng, chỉ đến khi làm giả xong Giấy chứng nhận quyền sở hữu xe sang cho tên mình, bị cáo mới bán cho người khác để lấy tiền sử dụng cho bản thân. Khi chuyển dịch tài sản sang cho người khác với mục đích chiếm đoạt thì hành vi trên mới cấu thành tội phạm chiếm đoạt; do vậy cấp sơ thẩm truy cứu và xét xử bị cáo P các tội tương ứng với hành vi phạm tội là phù hợp. Với tổng số tiền chiếm đoạt theo định giá của 04 chiếc xe là 1.858.000.000đ bị cáo bị xét xử 03 tội với mức hình phạt 26 năm tù là thỏa đáng; do vậy không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VC2, ngày 04/6/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc đề nghị hủy

Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Cao P phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Trần Cao P 15 (Mười lăm) năm tù đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Cao P 07 (Bảy) năm tù đối với tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Cao P 04 (Bốn) năm tù đối với tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

Tổng hợp hình phạt chung đối với 03 tội danh, buộc bị cáo **Trần Cao P phải chấp hành là 26 (hai mươi sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/01/2020.

2. Án phí phúc thẩm hình sự: Bị cáo Trần Cao P không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (30/9/2021).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS- Công an thành phố Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường

